

VỀ HIỆN TƯỢNG TRẢ ĐẤT, BỎ ĐẤT CỦA PHỤ NỮ: Một số phát hiện từ nghiên cứu hai xã ở Thái Bình và Vĩnh Long

TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG^(*)

Từ năm 2005 đến nay, các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa nhiều tin, bài về việc người dân trả ruộng cho chính quyền, bỏ ruộng đi làm việc khác. Nghiên cứu về hiện tượng này, một nhóm cán bộ Viện nghiên cứu Con người và một số chuyên gia, cộng tác viên được sự tài trợ của Trung tâm Triết học, Văn hoá và Xã hội Việt Nam (thuộc Đại học Temple, Mỹ) đã tiến hành nghiên cứu tại hai xã Đông Mỹ (huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình) và Mỹ Lộc (huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long). Nội dung bài viết dưới đây trình bày một số phát hiện từ nghiên cứu này.

I. Khái quát chung

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, trong đó có phụ nữ ở Việt Nam đang bộc lộ nhiều mâu thuẫn, bất cập. Quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá một mặt tạo ra tốc độ tăng trưởng cao, mặt khác lại làm cho một số người dân mất đất, mất cơ hội việc làm truyền thống, trong khi họ chưa được chuẩn bị đầy đủ để tiếp cận cơ hội việc làm mới. Đối lập với hiện tượng người dân mất đất lại có thông tin về hiện tượng người dân bỏ đất, trả lại đất cho chính quyền ở Thái Bình, Vĩnh Long (hai tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì an ninh lương thực của Việt Nam).

Hiện tượng phụ nữ nông thôn mà nghề nghiệp, sinh kế gắn bó chặt chẽ với ruộng đất nay bỏ ruộng ra thành phố làm những ngành nghề phi chính thức, đi lấy chồng nước ngoài, đi xuất khẩu

lao động với những nghề lao động giản đơn như giúp việc gia đình... là những thách thức đối với sự phát triển không chỉ của phụ nữ mà của cả cộng đồng và toàn xã hội. Năm 2005 hiện tượng này đã làm dấy lên những lo ngại về tình trạng giảm sút sản lượng lương thực, đe dọa an ninh lương thực. Ban Kinh tế Trung ương Đảng đã phải tổ chức đoàn kiểm tra và đưa ra con số: tại Thái Bình đã có đến 10% diện tích đất bị trả lại và đó cũng là hiện tượng xảy ra ở nhiều tỉnh^(**).

Nhằm làm rõ thực trạng hiện tượng phụ nữ bỏ đất, trả lại đất ở Thái Bình, Vĩnh Long; phát hiện nguyên nhân của hiện tượng này; tìm hiểu đời sống của phụ nữ trước và sau khi trả đất; tìm hiểu

^(*) TS., Học viện Quản lý giáo dục.

^(**) Theo: Ngọc Lành, Đào Bình. Bài toán nào cho tình trạng “ly nông” hiện nay?. Báo Nhà báo và Công luận, ngày 15-21/4/2005.

những vướng mắc, trì trệ về mặt thể chế, chính sách và việc thực thi chính sách liên quan đến phụ nữ tại các địa phương, chúng tôi thực hiện nghiên cứu trên các đối tượng là phụ nữ từ 15 tuổi trở lên; hộ gia đình, lưu ý các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ; cán bộ, thành viên các đoàn thể, tổ chức: chính quyền, Đảng, hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên, hội người cao tuổi cấp xã, huyện, tỉnh, Sở Khoa học – Công nghệ, Ban Tuyên giáo cấp tỉnh. Các đối tượng nghiên cứu là phụ nữ được lựa chọn theo một số tiêu chí: những hộ gia đình, những người có đất và không có đất; những hộ gia đình, những người nghèo, khá, giàu theo tiêu chí phân loại của địa phương. Nghiên cứu được tiến hành tại xã Đông Mỹ (tỉnh Thái Bình) – tháng 11/2007, và Mỹ Lộc (tỉnh Vĩnh Long) – tháng 12/2007.

Xã Đông Mỹ là xã thuần nông, nghề nghiệp chính là sản xuất nông nghiệp, nghề phụ là thêu ren, mây tre đan do phụ nữ làm, đồ gỗ dân dụng, dịch vụ xây dựng, không có nghề truyền thống. Còn tại xã Mỹ Lộc, đa số người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, chỉ một số ít sinh sống bằng nghề buôn bán.

II. Kết quả nghiên cứu

1. Tình hình trả đất, bỏ đất

a. Về hiện tượng trả đất

Tình trạng trả đất có sự khác nhau tại hai xã được nghiên cứu: *đã có việc nông dân đề nghị trả ruộng vào những năm trước đây ở xã Đông Mỹ; không có hiện tượng này ở xã Mỹ Lộc*. Hiện nay tình trạng trả đất tại Đông Mỹ đã chấm dứt (nguyên nhân của sự khác biệt này cũng như nguyên nhân chấm dứt hiện tượng trả đất sẽ được đề cập chi tiết ở phần dưới). Tuy nhiên, hiện tượng giữ

đất bằng nhiều cách đang diễn ra ở ba cấp độ: 1/ bỏ tiền ra thuê người trồng lúa: người có đất thu được lúa nhưng phải chịu toàn bộ chi phí, phải “nộp sản” cho xã; 2/ cho mượn đất để trồng lúa: người có đất không thu được lúa và cũng không phải “nộp sản” cho xã; 3/ “nộp sản” cho người đã nhận cấy lúa: người có đất không thu được lúa, không phải chịu toàn bộ chi phí trồng lúa nhưng phải “nộp sản” cho xã.

Tại xã Đông Mỹ, hiện tượng cho mượn đất để trồng lúa vài năm trước đã có, nhưng đến năm 2007 thì cho mượn cũng khó, có người cho mượn mà không có người mượn.

Bên cạnh việc bỏ đất của phụ nữ và thanh niên, cũng có hiện tượng bố mẹ già nghỉ hưu từ thành phố về trồng nhà, giữ đất bằng cách bỏ lương hưu ra để cấy lúa. Có thể hiểu đây là hiện tượng tốt, góp phần vào sản xuất lương thực, cần khuyến khích; hay đây là vấn đề “an toàn sinh kế” của người dân, khi cha mẹ cố giữ đất cho con cháu để phòng bất trắc khi làm ăn thất bát ở địa phương khác? Cũng có một lý do nữa cần đặt ra là, có thể vì “tác đất tác vàng”, nhất là hiện nay, đất ruộng nếu bị thu hồi sẽ được đền bù, sẽ mang lại một khoản tiền nhất định nên người dân lại cố giữ đất.

Thậm chí, để giữ đất, có một số gia đình ở xã Đông Mỹ còn phải đi “nộp sản” cho người đã nhận cấy lúa trên đất của họ; tức là họ đã không thu hoạch được gì mà vẫn nộp mức khoán 50 kg thóc/sào cho Ủy ban nhân dân xã, còn người nhận cấy được bao nhiêu sẽ hưởng hết, không phải trả gì cho người có đất, không phải nộp mức khoán cho Ủy ban nhân dân xã.

b. Về hiện tượng bỏ đất

Bỏ đất nói chung là hiện tượng phụ nữ có đất nhưng không làm ruộng. Trên thực tế, diện tích đất bị bỏ hoang không có, nhưng *hiện tượng phụ nữ bỏ đất* ở cả hai xã được nghiên cứu biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau và cũng có sự khác biệt.

Tại xã Đông Mỹ, đất của phụ nữ có là do được chia, được có quyền sử dụng đất từ năm 1993. Hiện tượng “bỏ đất” có thể hiểu là những người đứng tên quyền sử dụng đất nay đi làm ăn xa, hoặc đi lấy chồng ở địa phương khác và không làm ruộng, không canh tác trên mảnh đất thuộc quyền sử dụng của mình mà phải để lại cho gia đình, họ hàng làm chứ không phải là bỏ hẳn.

Tại xã Mỹ Lộc, đất của phụ nữ có là do cha mẹ ruột chia cho; khi lập gia đình thì gia đình chồng chia cho chồng, phụ nữ có thể không có quyền chuyển nhượng, sở hữu. Khi “bỏ đất”, không làm ruộng, phụ nữ để lại đất cho người khác sử dụng (thường là người trong gia đình), một số người thì bán hoặc cho thuê.

Hình thức “bỏ đất” khá đa dạng, theo chúng tôi có thể phân chia thành một số dạng là: Bỏ hoang đất hoàn toàn; Bỏ đất, bỏ làm ruộng trồng lúa theo thời vụ; Bỏ đất trồng lúa để trồng cây khác như hoa, màu (vẫn làm nghề nông); Bỏ đất, bỏ làm ruộng trồng lúa để làm nghề phi nông nghiệp; “Bỏ đất tiềm năng”. Cụ thể hiện trạng của từng hình thái này tại hai xã nghiên cứu như sau:

- *Bỏ hoang đất hoàn toàn* không xảy ra ở cả hai xã Đông Mỹ và Mỹ Lộc từ trước và cho đến thời điểm nghiên cứu.

- *Bỏ đất, bỏ làm ruộng trồng lúa theo thời vụ* là hiện tượng phổ biến ở cả hai xã nhưng đang diễn ra với hai cách khác nhau và nguyên nhân cũng hoàn toàn khác nhau. Ở xã Đông Mỹ, chính

quyền vận động dân làm vụ đông xuân, nhưng nhiều người dân tự động bỏ hoang, không gieo trồng. Ngược lại, người dân xã Mỹ Lộc muốn làm vụ hè thu, nhưng từ năm 2006 tại Mỹ Lộc lại đang thực hiện chủ trương giảm vụ hè thu, từ 3 vụ lúa xuống còn 2 vụ lúa. Đây là chủ trương của tỉnh Vĩnh Long. Chủ trương này được thực hiện với nhiều biện pháp rất nghiêm ngặt ở huyện Tam Bình: nếu đảng viên không giảm 1 vụ lúa hè thu thì năm 2006 bị xếp loại 2, năm 2007 có thể còn bị khai trừ khỏi Đảng.

Tuy nhiên, tại Vĩnh Long, Nghị quyết của tỉnh về giảm vụ hè thu, từ 3 vụ lúa xuống còn 2 vụ lúa mặc dù đưa ra năm 2006 nhưng, theo lời của Phó Giám đốc Sở Khoa học – Công nghệ tỉnh Vĩnh Long, hiện nay vẫn còn đang tiếp tục được nghiên cứu.

- *Bỏ đất trồng lúa để trồng cây khác như hoa màu (vẫn làm nghề nông)* là hiện tượng đã khá phổ biến ở cả hai xã Đông Mỹ và Mỹ Lộc. Các gia đình thuần nông, ít lao động, ít vốn thường chọn cách chuyển đổi cơ cấu cây trồng này.

- *Bỏ đất, bỏ làm ruộng trồng lúa để làm nghề phi nông nghiệp.* Đây là hiện tượng chủ yếu xảy ra với một số người có tham gia công tác của xã, hoặc đã chuyển đi làm ở địa phương khác.

- “*Bỏ đất tiềm năng*”^(*) là dạng bỏ đất phổ biến nhất ở hai xã nghiên cứu. Đó là hiện tượng nữ thanh niên đi học, đi

(*) Thuật ngữ này do chúng tôi đưa ra nhằm mô tả với ý nhấn mạnh hiện tượng thanh niên nói chung, nữ thanh niên nói riêng là lực lượng lao động tiềm năng ở nông thôn nhưng hiện nay có xu hướng là tìm mọi cách để rời bỏ nông thôn, bỏ nghề nông, nhất là bỏ nghề trồng lúa. Đồng thời, thuật ngữ này còn thể hiện một hiện tượng ở xã Mỹ Lộc là nữ thanh niên thực tế có thể chưa có đất mà chỉ ở dạng tiềm năng sẽ có đất khi lấy chồng, khi ra ở riêng.

tìm việc làm phi nông nghiệp ở thị xã, thành phố. Tại xã Đông Mỹ, những em sinh từ 1993 trở về trước đã được chia đất năm 1993. Hiện nay các em đã lớn, đi học tại các trường trung học, trường nghề, đại học,... nên để lại phần đất của mình cho gia đình. Còn tại xã Mỹ Lộc, nữ thanh niên chưa có gia đình (chưa được cha mẹ cho ruộng nhưng có thể sẽ được chia cho khi đi lấy chồng) nhưng rời xã, bỏ công việc nông nghiệp đi học nghề, tìm việc làm phi nông nghiệp.

c. Tình trạng không có đất của phụ nữ

Tình trạng này ở hai xã được nghiên cứu có sự khác nhau là do diện tích đất bình quân đầu người: Ở xã Đông Mỹ, diện tích đất được chia bình quân từ năm 1993, nên về hình thức thì ai cũng có ruộng nếu sinh ra từ năm 1993 trở về trước. Còn ở xã Mỹ Lộc, vì là đất của từng hộ gia đình nên người có ruộng, người không có ruộng là do cha mẹ quyết định, hoặc do khi đi lấy chồng, nhà chồng có đất chia cho hay không.

Tại xã Đông Mỹ, phụ nữ không có đất là do mới từ nơi khác đến, hoặc mới về hưu sau năm 1993 nên không được chia đất.

Tại xã Mỹ Lộc, phụ nữ không có đất là do không được cha mẹ chia đất cho; hoặc do gia đình chồng, không có đất; do chồng là người từ nơi khác đến làm mướn không có đất, bản thân lại không được cha mẹ chia đất cho, hoặc đã có nhưng phải bán đất để gán nợ. Phụ nữ không có ruộng vì tư tưởng phân biệt con trai, con gái trong gia đình vẫn tồn tại ở xã Mỹ Lộc. Tình trạng chia ruộng bị ảnh hưởng từ tư tưởng trọng nam khinh nữ còn tồn tại trong khoảng 30% hộ gia đình của tỉnh.

2. Nguyên nhân của hiện tượng trả lại đất, bỏ đất

Nguyên nhân chung của cả hai hiện tượng trả lại đất, bỏ đất trồng lúa là do hiệu quả sản xuất nông nghiệp không bằng sản xuất phi nông nghiệp, ngay trong sản xuất nông nghiệp thì hiệu quả sử dụng đất để trồng lúa không cao bằng trồng một số loại cây khác, hoặc chăn nuôi, hoặc làm việc khác. Trong đó, có một số khác biệt giữa nguyên nhân của hai hiện tượng này.

a. Nguyên nhân của hiện tượng trả lại đất

Lịch sử và hiện trạng quyền sử dụng, quyền sở hữu đất hoàn toàn khác nhau tại hai xã cho nên nguyên nhân của hiện tượng này cũng không giống nhau.

Tại xã Đông Mỹ, người dân đề nghị trả lại đất được chia theo đầu người năm 1993 và đất nhận khoán từ Ủy ban nhân dân vì mức khoán 130kg thóc/sào là quá cao so với năng suất và chi phí đầu vào.

Xã Mỹ Lộc không có hiện tượng trả lại đất vì đất của phụ nữ có được là nhờ cha mẹ ruột chia cho, phụ nữ có quyền chuyển nhượng, sở hữu; khi lập gia đình thì có thể có thêm đất do gia đình chồng chia cho chồng. Đối với đất do gia đình chồng chia cho chồng, phụ nữ có thể không có quyền chuyển nhượng, sở hữu nếu gia đình chồng và người chồng không đồng ý.

b. Nguyên nhân của hiện tượng bỏ đất trồng lúa

- Từ phía chính quyền, đoàn thể do nhận thức được sự kém hiệu quả của vụ hè thu, việc sử dụng đất 3 vụ liên tục dẫn đến các dịch bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, rầy nâu, nên theo chủ trương

của tỉnh Vĩnh Long, tại xã Mỹ Lộc đang thực hiện vận động người dân bỏ đất trong vụ hè thu. Đây là biểu hiện sự nhậy bén, năng động của từng địa phương, cộng với tình hình thực tiễn đã dẫn đến quyết định “bỏ đất” vụ hè thu. Đồng thời, người dân xã Đông Mỹ cũng cho rằng do có chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây - con của chính quyền nên mọi người dân mới được bỏ đất trồng lúa để trồng cây hoa màu khác.

- Từ phía người nông dân, có nhiều nguyên nhân dẫn đến bỏ đất như hiệu quả trồng lúa thấp hơn quá nhiều so với các công việc nông nghiệp và phi nông nghiệp khác vì giá cả vật tư đầu vào vẫn tiếp tục tăng trong khi giá lúa lên không kịp; hoặc cần chuyển ngành nghề, mong muốn được giao lưu, mở mang cơ hội.

- “Đổi đất lấy chữ” là hiện tượng không hiếm ở Vĩnh Long nói chung. Ngay ở xã Mỹ Lộc cũng có gia đình bán hết ruộng để đầu tư cho con đi học, tuy nhiên gia đình này đã có nghề in lụa để sinh sống, không rơi vào cảnh túng bấn.

- Không có lao động cũng là một nguyên nhân bỏ đất vụ đông xuân ở xã Đông Mỹ. Con cái ở tuổi thanh niên, trung niên đi làm ăn ở địa phương khác, chỉ còn bố mẹ già ở nhà hoặc bố mẹ già nghỉ hưu từ thành phố về trông nhà, giữ ruộng.

- Đất xấu, bạc màu, diện tích đất ứng trũng chiếm tỷ lệ cao, hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, thời tiết vụ xuân thường có diễn biến phức tạp (đầu vụ nắng ấm, cuối vụ chịu ảnh hưởng mưa to kèm theo gió mạnh đã gây thiệt hại lớn về năng suất)... là một số nguyên nhân khiến người nông dân xã Đông Mỹ chưa đồng tình hưởng ứng chấp hành chủ trương cấy lúa ngăn ngày vụ xuân,

một số người chỉ trồng hoa màu, một số còn bỏ đất không gieo trồng vụ đông xuân mặc dù được lãnh đạo xã chỉ đạo rất kiên quyết.

c. Nguyên nhân phụ nữ bỏ làm ruộng, chuyển sang ngành nghề khác

Nguyên nhân này chiếm phần lớn, ví dụ như do gia đình không có nhiều ruộng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể chỉ trông chờ vào trồng lúa mà phải bươn chải sang nghề khác, hoặc do gia đình có các quan hệ xã hội, quan hệ làm ăn khác nên có thể chuyển nghề; hoặc do trình độ văn hoá, chuyên môn có thể tìm kiếm việc làm trong các doanh nghiệp; và một lý do rất quan trọng đối với phụ nữ đã có chồng là cần được chồng đồng ý cho chuyển nghề.

Ngoài những nguyên nhân nêu trên, hiện tượng bỏ đất, trả đất ở phụ nữ, nữ thanh niên còn có một số nguyên nhân khác như: khi phụ nữ không làm nông nghiệp, có thu nhập tốt hơn sẽ có tiếng nói quyết định hơn. Đi làm công nhân, tham gia các công việc khác ngoài mục đích thoát ly công việc nhà nông vất vả, giữ gìn được da dẻ, được ăn mặc lịch lãm hơn, được mặc đồng phục công sở, đồng phục công nhân, thêm sự giao lưu, hiểu biết, được tôn trọng hơn, được hãnh diện hơn với gia đình, chòm xóm. Việc chuyển địa phương sinh sống theo chồng cũng là nguyên nhân bỏ đất đã được chia ở cả xã Đông Mỹ (do chính quyền chia từ năm 1993) và xã Mỹ Lộc (do cha mẹ chia cho).

3. Đời sống của phụ nữ trước và sau khi bỏ đất

a. Tình hình chung

Nhìn chung trước khi bỏ đất, phụ nữ tại hai xã Đông Mỹ và Mỹ Lộc đa số

làm nghề nông. Sau khi bỏ đất, số nữ thanh niên rời xã, bỏ công việc nông nghiệp đi tìm việc làm ở các khu công nghiệp, các khu vực thành thị ngày càng nhiều. Tỷ lệ nữ thanh niên rời xã đi tìm việc làm xấp xỉ với lượng nam thanh niên. Nữ có xu hướng tìm việc gần nhà hơn, nam thanh niên đi các tỉnh xa. Nam thanh niên xã Mỹ Lộc đi làm ở tỉnh Bình Dương nhiều hơn nữ thanh niên. Số phụ nữ trung niên đã có gia đình thường chuyển đổi việc làm ở ngay địa phương: chuyển từ trồng lúa sang trồng cây khác hoặc chuyển sang nghề phi nông nghiệp, hoặc kết hợp cả hai vừa trồng loại cây khác, vừa làm nghề phi nông nghiệp.

So sánh việc ưu tiên chuyển đổi ngành nghề giữa phụ nữ và nam giới có hai quan điểm. Một quan điểm cho rằng nên ưu tiên cho nam giới chuyển đổi ngành nghề vì các lý do: nam giới quyết đoán, mạnh mẽ hơn; khả năng quyết định của nam giới mạnh bạo hơn trong các phương án làm ăn. Còn một quan điểm khác cho rằng nên ưu tiên cho nữ giới chuyển đổi ngành nghề vì lý do: người phụ nữ chịu nhiều vất vả hơn; khả năng của phụ nữ trong việc quyết định chuyển đổi thấp hơn.

Nếu cần lựa chọn cơ hội đi làm ăn xa giữa vợ và chồng, phụ nữ trung niên có khuynh hướng đồng ý để chồng đi, còn mình tự nguyện ở lại làm ruộng vì cân bằng được hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái, cha mẹ. Cùng với lực lượng nam thanh niên đi làm ăn xa, hiện tượng nữ thanh niên rời xã ngày càng nhiều đang dẫn đến việc “già hoá” lực lượng lao động ở hai xã.

b. Hình thức việc làm, sự phát triển của phụ nữ bỏ đất trồng lúa tương đối đa dạng.

Mô hình rời xã bỏ việc làm nông nghiệp sang phi nông nghiệp có các dạng đi học phổ thông, cao đẳng, đại học, học nghề; làm công nhân (ở các khu công nghiệp, khu vực thành thị); chuyển sang buôn bán nhỏ; sản xuất tiểu thủ công nghiệp; giúp việc (việc nhà, tại các cửa hàng dịch vụ... ở khu vực thành thị); lấy chồng nước ngoài (Hàn Quốc, Đài Loan). Tại hai xã Đông Mỹ và Mỹ Lộc số phụ nữ lấy chồng nước ngoài ít. Nhưng đây là hiện tượng nổi lên của tỉnh Vĩnh Long. Hiện tượng này có giảm trong vài năm gần đây nhưng đã phát sinh nhiều hiện tượng xã hội khác như: một số chị em bị ngược đãi phải quay về, số con lai được đưa về ngày một tăng – xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã có 25 cháu. Điều đáng quan tâm là phần lớn các cháu con lai đưa về là con gái.

Mô hình bỏ lúa trồng cây, nuôi con khác được phụ nữ đã có gia đình lựa chọn nhiều hơn. Với mô hình này người phụ nữ có thể giải quyết hài hoà nhiều mục đích, vừa bảo đảm thu nhập, vừa không bị ảnh hưởng về tình cảm vì được ở nhà, gần gũi, chăm sóc chồng con, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Đã có một số phụ nữ thành công theo hướng này.

Mô hình không rời xã nhưng bỏ việc làm nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: làm công nhân tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp gần xã, có thể đi về hàng ngày là mô hình đang phát triển tại cả hai xã được nghiên cứu, do địa bàn Đông Mỹ cách thị xã Thái Bình 5-6km, xã Mỹ Lộc cách khu công nghiệp 8-9 km. Nữ thanh niên của hai xã được nghiên cứu phần lớn đang cố gắng đi theo hướng này.

Ngoài ra, có một số ít chị em đã học cao đẳng, đại học nhưng do bị phân công

đi làm việc quá xa, hoặc địa bàn làm việc quá nhiều khó khăn, hoặc vì cần lập gia đình nên quay về quê, chuyển sang buôn bán nhỏ. Một số chị em do lớn tuổi, con cái đi làm ăn xa nên chuyển sang buôn bán nhỏ, lấy tiền thuê người khác cấy lúa.

4. Những thuận lợi, khó khăn của phụ nữ khi bỏ đất

a. Những thuận lợi

Khi bỏ đất trồng lúa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, người dân nói chung, phụ nữ nói riêng đều cho rằng thuận lợi đầu tiên là có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước về mở mang ngành nghề; chính quyền cho chuyển đổi tại thời điểm 2007 dễ hơn 5-6 năm trước; chính sách về đất đai dễ hơn trước; do nhu cầu của người dân cao hơn, đòi hỏi số lượng sản phẩm nhiều hơn, đa dạng hơn nên có thể bỏ trồng lúa để trồng hoa (có chị thuộc gia đình thuần nông ở xã Đông Mỹ vừa trồng lúa, vừa trồng hoa, hàng ngày tự cắt hoa mang ra chợ ở thành phố Thái Bình bán); quy trình thủ tục vay vốn hiện có dễ hơn vài năm trước.

b. Những khó khăn

Đa số ý kiến của chị em phụ nữ và người dân cả hai xã đều cho biết khi bỏ đất trồng lúa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế hiện nay là thiếu vốn, lãi cao, vốn của ngân hàng tự do thì nhiều nhưng vốn ưu đãi đầu tư cho nông dân thì ít, quy trình thủ tục vay vốn khó; phụ nữ vay vốn khó hơn vì không phải là chủ hộ, không có tài sản thế chấp. Bên cạnh đó còn các khó khăn như giá cả đầu vào cao, đầu ra thấp; thiếu định hướng cho việc nuôi trồng từ đầu vào giống cây, con đến đầu ra, khâu tiêu thụ, chỉ bán sản phẩm thô hoặc sơ chế, chưa có thành phẩm; thông tin tập huấn về

chuyển đổi có nhưng còn ít và chung chung; thời tiết không thuận lợi (ví dụ, mưa bão, giá rét là khó khăn đặc thù đối với nghề trồng hoa ở Đông Mỹ).

Đối với mô hình rời xã đi làm ăn xa, chị em cho rằng có khó khăn rất lớn khiến nhiều người ngần ngại khi quyết định, vì nếu chuyển đổi là sẽ không có điều kiện chăm sóc chồng con. Một số nghề phi nông nghiệp khác vất vả hơn, đòi hỏi sức khỏe cũng là một khó khăn cản trở phụ nữ tham gia.

Đối với số chị em tiểu thương tại xã Mỹ Lộc, khó khăn nhất hiện nay là mức thuế, thời điểm thu thuế, việc tăng thuế. Mức thuế cao, một năm tăng 2, 3 lần. Thời điểm thu thuế không theo tình hình địa phương mà chỉ áp dụng theo quy định chung của ngành thuế là vào dịp cuối năm và giữa năm. Đây là hai thời điểm khi người dân có nhu cầu sắm Tết và khi mùa gặt xong, họ có tiền để mua sắm mà không tính đến những tháng nước ngập, những ngày vụ mùa, đó cũng là thời điểm phải nộp thuế. Điểm cần nhấn mạnh là Nhà nước có chủ trương phát triển thương mại, dịch vụ, cải thiện cơ sở hạ tầng cho nông thôn bằng cách xây chợ, nhưng thực tế hiện tượng *chợ xây xong nhưng không có người vào mua bán* lại đang diễn ra ở nhiều nơi^(*).

Tại xã Mỹ Lộc mặc dù có xây chợ mới thay cho chợ cũ ngập lụt, nhưng chị em tiểu thương không thích vào chợ. Nguyên nhân do chi phí để có vị trí đẹp có thể buôn bán được trong chợ lên đến 50-60 triệu đồng/một chỗ. Còn những vị

(*) Tỉnh Kiên Giang có 18 chợ mới xây không đi vào hoạt động (Tin của Chương trình Thời sự 6h ngày 17 -18 tháng 12/2007; Phạm Đò. Tiền tỷ xây chợ bỏ hoang! Báo *Đất Việt*, ngày 25/3/2009).

trí sâu bên trong chợ, khó mua bán cũng phải chi đến 30-40 triệu đồng một chỗ.

c. Những sự hỗ trợ cần thiết cho phụ nữ chuyển đổi ngành nghề được phụ nữ và người dân hai xã nêu ra là:

- Phía gia đình cần tạo điều kiện thời gian cho người vợ; có sự thông cảm, vợ chồng cùng gánh vác.

- Phía các đoàn thể cần xây dựng một số ngành nghề, thực hiện tập huấn; hỗ trợ nguồn vốn; chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề cho phụ nữ.

- Phía chính quyền cần có chỉ đạo, chỉ thị nghị quyết phù hợp, kịp thời; dành sự ưu tiên về việc làm ở xã cho phụ nữ; chính quyền can thiệp để phụ nữ trên 35 tuổi có thể xin vào làm tại các doanh nghiệp.

III. Một số kết luận và khuyến nghị

1. Kết luận

- Vấn đề trả đất, bỏ đất: Thực tế tại hai xã được nghiên cứu là đã có hiện tượng phụ nữ nông dân đề nghị trả ruộng, có phụ nữ nông dân bỏ ruộng với nhiều nguyên nhân khá phức tạp, tuy nhiên không làm giảm sản lượng lương thực, không phải là hiện tượng không bình thường, không nguy hiểm cho vấn đề an ninh lương thực, không đe dọa an ninh lương thực ở cả tầm vi mô là các gia đình nông dân và tầm vĩ mô là quốc gia.

- Nhận thức của người phụ nữ nông dân về an ninh lương thực: khó có thể kết luận rằng người phụ nữ nông dân thiếu ý thức, hoặc nhận thức thấp kém nên bỏ ruộng trồng lúa tìm kế sinh nhai khác. Ở quy mô gia đình, an ninh lương thực luôn được người dân, nhất là phụ nữ nhận thức rõ tầm quan trọng và tìm mọi cách thực hiện. Vấn đề là nếu mở rộng an ninh lương thực ở quy mô quốc

gia thì Nhà nước cần có nghiên cứu, tác động chính sách kịp thời.

Mặt khác, nghiên cứu tại hai xã, chúng tôi phát hiện thấy người nông dân cả hai miền dù hoàn cảnh rất khác nhau nhưng cũng nhận thức rất rõ là trồng lúa cho hiệu quả thấp nhưng “an toàn” hơn trồng một số loại cây như dưa hấu, hoa cảnh vì *tính thời vụ của sản phẩm* trồng lúa thấp hơn, gặt xong có thể để dành, lúc cần tiền hoặc lúc được giá cao mới bán. Còn việc trồng dưa hấu, hoa cảnh... có *tính thời vụ của sản phẩm* khá cao, thu hoạch xong khó để dành, đợi giá cao mới bán nên thực tế không ít gia đình ở xã Mỹ Lộc khi đã có một số nghề phi nông nghiệp ổn định (làm công chức, tham gia công việc chính quyền, đoàn thể ở địa phương, buôn bán nhỏ, nghề nông nghiệp phụ có hiệu quả như nuôi vịt xiêm, trồng cây ăn trái, nuôi rắn...) thì vẫn duy trì diện tích trồng lúa mà không chuyển sang trồng hoa màu, cây nông nghiệp khác. Như vậy, cần phải thấy *chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây - con là yếu tố/mô hình chính để duy trì và cân đối an ninh lương thực ở tầm vi mô là các gia đình nông dân và tầm vĩ mô là quốc gia.*

- Nguyên nhân chính của hiện tượng trả đất, bỏ đất là việc tính toán hiệu quả sản xuất lúa gạo và cơ chế, chính sách đối với quản lý, sử dụng đất của từng địa phương. Giải quyết hiện tượng này không thể chỉ bằng mệnh lệnh hành chính mà cần điều chỉnh chính sách, cơ chế kịp thời, huy động và giải quyết tốt sự tham gia của các chủ thể nhà nông – nhà nước – nhà doanh nghiệp – nhà khoa học (vai trò “4 nhà”).

- Đời sống của phụ nữ sau khi bỏ ruộng khá đa dạng và phức tạp, có cả

thành công và không thành công, tích cực và tiêu cực.

2. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, tất cả các phía từ người dân, phụ nữ, chính quyền, đoàn thể nên xuất phát từ hiệu quả sản xuất để quyết định “bỏ đất” hay tận dụng đất, để thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây - con.

Thứ hai, trong mối quan hệ giữa chính sách an ninh lương thực với mục tiêu trở thành nước xuất khẩu gạo cần phân biệt rõ, tách rời chính sách an ninh lương thực với mục tiêu trở thành nước xuất khẩu gạo nhất nhì thế giới để đưa ra giới hạn diện tích trồng lúa đến đâu là bảo đảm an ninh lương thực, đến đâu là đạt mục tiêu trở thành nước xuất khẩu gạo, đến đâu là đạt mục tiêu trở thành nước xuất khẩu gạo nhất nhì thế giới.

Thứ ba, quan niệm về chính sách an ninh lương thực phải được gắn liền với việc duy trì diện tích trồng lúa, với số người nông dân không rời nghề trồng lúa, với số hội viên Hội Nông dân phải không ngừng tăng lên..., cần được làm sáng tỏ, thấu đáo về nhiều phương diện. Giới hạn tăng năng suất lúa đến đâu, giới hạn về diện tích trồng lúa đến đâu, diện tích đó cần bao nhiêu lao động tương như quá hiển nhiên, nhưng lại vẫn cần chốt lại ở các thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn để có những định hướng chuyển đổi kinh tế phù hợp, nói lỏng chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây - con cho người nông dân trồng lúa.

Thứ tư, có lộ trình thích hợp về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây - con trong nông nghiệp. Có nhất thiết phải đặt mục tiêu trở thành

nước xuất khẩu gạo nhất nhì thế giới để lo duy trì diện tích trồng lúa như hiện nay, trong khi người nông dân trồng lúa “thoi thóp” không thể có được mức sống tối thiểu là câu hỏi cần được tiếp tục nghiên cứu để làm sáng rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của Việt Nam, từ đó đưa ra một lộ trình thích hợp về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây - con trong nông nghiệp, không chuyển đổi một cách cảm tính, không chuyển đổi theo kiểu phong trào, kiểu “quy luật chung” trên thế giới, song cũng không thể để người nông dân trồng lúa tiếp tục bí bách trong bài toán mưu sinh vì những quy định, chủ trương thiếu căn cứ khoa học.

Thứ năm, vấn đề tích tụ ruộng đất đã bắt đầu được đặt ra trên các diễn đàn, các hội thảo, hội nghị về nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay. Nghề nông chỉ một truyền một - một gia đình chỉ nên truyền nghề, truyền đất lại cho một người con. Đây là ý kiến của một nông dân ở Vĩnh Long. Ý kiến này phản ánh một thực tế là, một số người nông dân cũng nhận thức rõ quan hệ giữa quy mô ruộng đất với vấn đề sinh kế. Điều đó trong giai đoạn hiện nay cần được xem xét để có cái nhìn đa chiều đối với hiện tượng “bỏ đất” của nông dân. Nếu sau khi “bỏ đất” người nông dân vẫn bảo đảm sinh kế, thu nhập để sống và đầu tư cho con cái học hành, phát triển thì nên hiểu đây là quá trình tích tụ ruộng đất tự nguyện, cần có cơ chế thích hợp để tạo điều kiện cho quá trình này diễn ra được thuận lợi và nhanh chóng vì thông thường theo quy luật, phát triển sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cần diện tích đất đủ lớn để cơ giới hoá một cách hiệu quả, cần thời gian sử dụng ổn định dài (đây cũng là khó khăn của nông dân xã Đông Mỹ cũng như khu vực phía

Bắc huyện Đông Hưng). Song các cơ chế quản lý, sử dụng đất đai còn chưa đồng bộ, chưa rành mạch, sẽ trở nên ngày càng phức tạp khi chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất đô thị, sang xây dựng khu, cụm công nghiệp...

Thứ sáu, khuyến khích phát triển dịch vụ thương mại bằng chính sách thuế, lộ trình tăng thuế, thu tiền mua chỗ trong chợ và đào tạo hợp lý để chị em tiểu thương cũng có cơ hội tồn tại và phát triển, để những người chuẩn bị chuyển đổi sinh kế dám mạnh dạn đi vào hoạt động thương mại dịch vụ.

Thứ bảy, phản hồi, phản biện, thẩm định chủ trương, chính sách. Qua trường hợp hai xã Đông Mỹ và Mỹ Lộc thấy rõ tác động của các chủ trương,

chính sách là rất lớn, nhưng đang thiếu sự phản hồi liên tục, kịp thời bằng nghiên cứu (để bảo đảm tính khách quan của thông tin) và qua các kênh thông tin từ địa phương lên để có sự điều chỉnh kịp thời. Từ sự khác biệt giữa hai cách làm của hai tỉnh về mô hình cánh đồng 50 triệu đồng/ha và về cách huy động, sử dụng các nghiên cứu khoa học vào thực tiễn của hai tỉnh càng cho thấy vai trò của 4 nhà, đặc biệt vai trò của khoa học – công nghệ, khoa học xã hội nhân văn đối với phát triển nông nghiệp – nông thôn – nông dân cần được tăng cường và củng cố hơn nữa trong thời gian tới. Thực tế tại hai xã nghiên cứu cho thấy *trả đất, bỏ đất cũng là một dạng, một “cơ chế” phản hồi chính sách của phụ nữ, của nông dân.*